

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2024.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Chí

- Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Thúy D, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1956. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Anh C vắng mặt, chị D và ông Ch có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Vào năm 2012 anh và chị Võ Thị Thúy D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày: 08/11/2012. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn là do vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, bất đồng quan điểm mà không thể hòa hợp được.

Nay, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Võ Thị Thúy D.

Về con chung: Đồng ý giao con chung cho chị Võ Thị Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt chị Võ Thị Thúy D trình bày:

Chị thống nhất về điều kiện, địa điểm kết hôn và con chung như anh C trình bày. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không thể hàn gắn được, nay anh C yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị đồng ý trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh H và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị rút lại yêu cầu chia đôi tài sản chung là giá trị chiếc ghe số đăng ký: BT - 1041-TS giá trị 200.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 19/8/2024 chị Võ Thị Thúy D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo đơn trình bày, đơn xin xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Tôi là chủ 02 chiếc tàu, thấy con tôi không có việc làm ăn nên tôi cho mượn để làm ăn, chiếc ghe số đăng ký: BT – 1041-TS chị D yêu cầu chia giá trị với anh C không phải là tài sản chung của anh C và chị D.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 217, 218, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Võ Thị Thúy D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Thúy D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ch có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Chị Võ Thị Thúy D có yêu cầu phản tố nhưng chỉ rút một phần yêu cầu, anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh C, chị D trở thành nguyên đơn, anh C trở thành bị đơn.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Võ Thị Thúy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 14/5/2012. Vì vậy, hôn nhân của anh C và chị D được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh C và chị D đều cho rằng trong thời gian chung sống cả hai có những bất đồng quan điểm dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C và chị D đều đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Võ Thị Thúy D với Nguyễn Văn C.

2.2 Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng con chung ngày 10/6/2024 thì cháu Nguyễn Minh H có nguyện vọng sống chung với mẹ và cả anh C và chị D đều đồng ý. Do đó, tiếp tục để con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị D yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi nhưng anh C không đồng ý. Do các bên không thỏa thuận được nên căn cứ vào mức thu nhập và khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cũng như nhu cầu thiết yếu của con chung nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với con chung. Mức lương tối thiểu vùng tại nơi cư trú của anh C hiện nay là 3.450.000 đồng. Chị D yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung và mức lương tối thiểu vùng nơi anh C cư trú. Do đó, căn cứ vào Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 cần buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp.

2.3 Về tài sản chung: Chị D rút lại yêu cầu chia tài sản chung là chiếc ghe số đăng ký BT- 1041- TS nên đình chỉ giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Không có, không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 217, 218, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Võ Thị Thúy D đối với anh Nguyễn Văn C.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thúy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do anh C, chị D không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Chị Võ Thị Thúy D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/11/2012. Anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Nguyễn Minh H tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết anh C, chị D có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Võ Thị Thúy D về việc chia tài sản chung với anh Nguyễn Văn C đối với chiếc ghe số đăng ký: BT-1041-TS.

1.4 Về nợ chung: Anh C, chị D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Võ Thị Thúy D có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000148 ngày 02/5/2024. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn lại cho chị Võ Thị Thúy D số tiền 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng theo biên lai nêu trên.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0003671 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã A, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí